

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 73/TC-TCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 1997

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chế độ hoá đơn, chứng từ đối với hàng hoá lưu thông trên thị trường

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh thuế hiện hành;

Căn cứ Pháp lệnh kế toán thống kê ngày 20 tháng 5 năm 1988;

Căn cứ Pháp lệnh hợp đồng kinh tế ngày 25-9-1990;

Căn cứ Quyết định số 292/CT ngày 17-11-1988 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) quy định về việc lập hoá đơn, chứng từ khi mua bán hàng hoá và cung ứng dịch vụ thu tiền, Công văn số 2759/KTTH, ngày 10-6-1993 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Tài Chính quy định các biện pháp xử lý đối với các trường hợp vi phạm chế độ lập hoá đơn, chứng từ khi mua bán hàng hoá;

Căn cứ Công văn số 4201/KTTH ngày 28-8-1996 của Chính phủ về phối hợp kiểm tra, kiểm soát ngăn chặn có hiệu quả hàng ngoại nhập lậu vào thị trường nội địa;

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 17-4-1996 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế;

Căn cứ Nghị định số 85/CP-m ngày 11-7-1997 của Chính phủ;

Căn cứ Chỉ thị số 853/1997 CT-TTg ngày 11-10-1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ hoá đơn, chứng từ đối với hàng hoá lưu thông trên thị trường như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Hàng hoá do các tổ chức và cá nhân sản xuất kinh doanh (gọi chung là cơ sở kinh doanh) không phân biệt hàng hoá sản xuất trong nước, hay hàng hoá nhập khẩu lưu thông trên thị

trường đều phải có hoá đơn, chứng từ hợp lệ kèm theo chứng minh nguồn gốc hàng hoá là hợp pháp.

Tài sản của các tổ chức không phải là cơ sở kinh doanh như cơ quan hành chính, sự nghiệp, đoàn thể... khi điều động, vận chuyển giữa các cơ sở, đơn vị trực thuộc không thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư này. Để phân biệt với hàng hoá của các cơ sở kinh doanh, tài sản điều động, vận chuyển trên đường phải có quyết định điều động và phiếu xuất kho của tổ chức đó. Nếu đi mua hàng về để trang bị phải có hoá đơn.

2. Hàng hoá lưu thông trên thị trường quy định trong Thông tư này là những hàng hoá do cơ sở kinh doanh mua, nhập khẩu, bán, trao đổi không phân biệt là đang vận chuyển, đang bày bán hay đang trong kho.

3. Các hoá đơn, chứng từ quy định trong Thông tư này bao gồm: hoá đơn bán hàng, hoá đơn kiêm phiếu xuất kho, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, các biên lai thu thuế, biên lai thu tiền, vé, tem phải là bản chính do Bộ Tài chính thống nhất phát hành hoặc được Bộ Tài chính (Tổng cục thuế) chấp thuận cho doanh nghiệp tự phát hành. Các chứng từ khác như hợp đồng kinh tế (nếu là bản sao phải có công chứng), lệnh xuất kho, lệnh điều động... nếu là bản sao (hoặc photocopy) phải có dấu xác nhận sao y bản chính của chính doanh nghiệp.

4. Cơ sở kinh doanh có trách nhiệm lưu giữ các chứng từ quy định tại Thông tư này theo thời hạn lưu giữ của Nhà nước.

5. Hộ cá thể khi mua, nhận hàng hoá thì ngoài việc phải thực hiện các quy định chung về hoá đơn, chứng từ còn phải có:

Nếu kinh doanh cố định đi mua hàng về bán, mua nguyên liệu về để sản xuất phải có sổ mua hàng. Hàng hoá mua phải ghi chép đúng số lượng, chủng loại, trị giá vào sổ mua hàng trước khi vận chuyển hàng đi.

Nếu kinh doanh buôn chuyển phải nộp thuế trước khi vận chuyển hàng ra khỏi địa phương thu mua. Hàng hoá vận chuyển phải có biên lai thuế doanh thu, thuế lợi tức khâu lưu thông kèm theo.

II. HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI TỪNG TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ:

A. ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

1. Hàng hoá xuất để bán, giao cho đại lý, đưa đi trao đổi phải lập hoá đơn bán hàng hoặc hoá đơn kiêm phiếu xuất kho giao cho khách hàng.

Trường hợp bán hàng, giao cho đại lý, đưa đi trao đổi theo phương thức vận chuyển hàng hoá đến địa điểm do khách hàng yêu cầu phải kèm theo hợp đồng kinh tế.

2. Hàng hoá của cơ sở kinh doanh cố định đưa đi bán lưu động phải có lệnh điều động và phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ giao cho người thuộc cơ sở vận chuyển đi bán.

3. Cơ sở kinh doanh xuất nguyên vật liệu đưa đi gia công phải có phiếu xuất kho ghi rõ xuất đưa gia công kèm theo hợp đồng gia công.

4. Hàng hoá luân chuyển nội bộ từ kho này sang kho khác, giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong cùng một cơ sở kinh doanh phải có lệnh điều động nội bộ và phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ.

Trường hợp cơ sở sản xuất chuyển hàng hoá do cơ sở sản xuất đến các chi nhánh, cửa hàng phụ thuộc để bán mà chi nhánh, cửa hàng phụ thuộc đóng ở địa phương khác nơi sản xuất (tỉnh, thành phố) thì phải lập hoá đơn kiêm phiếu xuất kho.

5. Hàng hoá xuất trả lại bên bán do không đúng quy cách, chất lượng phải có công văn của cơ sở xuất trả ghi rõ lý do xuất trả kèm theo phiếu xuất kho của đơn vị trả lại hàng và hoá đơn bán hàng hoặc hoá đơn kiêm phiếu xuất kho (bản sao có dấu của cơ sở) của cơ sở bán hàng.

6. Đối với các loại hàng hoá tiêu dùng có giá trị thấp dưới mức quy định phải lập hoá đơn, nếu người mua không yêu cầu xuất hoá đơn thì cơ sở bán hàng phải lập bảng kê bán hàng theo hướng dẫn của cơ quan thuế.

7. Các sản phẩm mà người bán không thuộc đối tượng phải lập hoá đơn bán hàng được quy định sau đây:

Sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản chưa qua chế biến do người nông dân, ngư dân sản xuất, khai thác trực tiếp bán ra.

Đồ dùng của cá nhân, người không kinh doanh.

Khi mua hàng, cơ sở mua phải lập bảng kê mua hàng theo hướng dẫn của cơ quan thuế. Nếu cơ sở kinh doanh đặt trạm thu mua ở những nơi sản xuất tập trung thì phải đăng ký với cơ quan thuế nơi đặt trạm thu mua và phải lập bảng kê theo quy định nêu trên, khi vận chuyển